TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Thảo

- Ông Hà Nam Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T; Sinh năm: 1999 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Phú Lâm, xã Minh Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn L; Sinh năm: 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Chuông Cải, xã Văn Nho, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2024 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh Hà Văn L chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại

UBND xã Diễn Minh (nay là Minh Châu), huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An vào ngày 17/12/2019. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2024 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là từ khi hai vợ chồng đi lao động tại tỉnh Bắc Ninh thì anh L thường xuyên bài bạc nợ nần, nhiều lần bạo lực gia đình, mặc dù chị T đã cố chịu đựng cho gia đình êm ấm và để cho anh L có cơ hội sửa sai nhưng anh L vẫn không thay đổi; Đến tháng 7/2024 chị T chuyển về ở với bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Hà Văn L.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Hà Trần Khánh Linh, sinh ngày 11/12/2019, hiện tại cháu Khánh Linh đang sống cùng chị T nên khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Khánh Linh; Chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Văn L trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh L đồng ý với phần nội dung trình bày và việc đăng ký kết hôn của chị Trần Thị T là đúng thực tế. Trong quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến bất hòa; Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay, không còn quan tâm tới nhau, nay chị T yêu cầu được ly hôn, xét thấy tình cảm không còn nên anh L đồng ý thuận tình ly hôn.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Hà Trần Khánh Linh, sinh ngày 11/12/2019, hiện tại cháu Khánh Linh đang sống cùng chị T; Khi ly hôn anh L đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Khánh Linh; Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập và các văn bản, quyết định tố tụng cho anh Hà Văn L, anh L thừa nhận đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh L vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án anh L mới gửi văn bản ý kiến về việc giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện và các bản tự khai.

Bị đơn anh Hà Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Bá Thước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn có đơn trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Hà Văn L. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Hà Văn L có nơi cư trú tại thôn Chuông Cải, xã Văn Nho, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị Trần Thị T, bị đơn anh Hà Văn L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với chị T, anh L.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:*

Nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Hà Văn L chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/2019 tại UBND xã Diễn Minh (nay là

Minh Châu), huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đây là hôn nhân hợp pháp; Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L hay chơi bời dẫn đến nợ nần, không quan tâm tới gia đình và vợ con, hay bạo lực gia đình, chị T và anh L đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay, người nào biết người nấy, không còn quan tâm tới nhau, hiện tại vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Bị đơn anh Hà Văn L quá trình giải quyết vụ án đã có văn bản ý kiến trình bày gửi cho Tòa án thể hiện, anh L hiện tại không còn tình cảm với chị T, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh L đồng ý ly hôn chị T. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp, chứng tỏ anh L cũng không tha thiết hòa giải để đoàn tụ gia đình.

Quá trình thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Anh L và chị T trong thời gian sinh sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không thông cảm cho nhau, mặc dù đã được gia đình động viên đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh L là có căn cứ.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:*

Chị T và anh L có một con chung là cháu Hà Trần Khánh Linh, sinh ngày 11/12/2019; Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Khánh Linh; Chị T không đề nghị anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có văn bản thể hiện ý kiến: Hiện tại cháu Khánh Linh đang ở cùng với chị T nên khi ly hôn anh L đồng ý giao cháu Khánh Linh cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy chị T có đủ điều kiện nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục con đảm bảo tốt về mọi mặt và hiện tại cháu Khánh Linh đang ở với chị T; Để không xáo trộn việc sinh hoạt và học tập của cháu Khánh Linh nên khi ly hôn giao cháu Khánh Linh cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với yêu cầu của chị T, anh L, phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 6, Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Hà Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị T và anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T.

Chị Trần Thị T được ly hôn anh Hà Văn L.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh L có một con chung là Hà Trần Khánh Linh, sinh ngày 11/12/2019. Khi ly hôn giao cháu Khánh Linh cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom con không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Hà Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006044 ngày 12/12/2024. Số tiền này được trừ vào số tiền án phí mà chị T phải nộp, theo đó chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T, anh Hà Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Bá Thước;
- Chi cục THADS huyện Bá Thước;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Minh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Long